TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 75/2017/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc

***Các hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông: Đinh Công Hiến : Cán bộ h- u trí thị trấn M, huyện G.
2. Ông Đinh Duy Quyết: Cán bộ h- u trí xã G, huyện G.

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Phạm Công Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2017/HSST, ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1996. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962; vợ, con chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự số 116/2016/HSST, ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/7/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N - Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Vợ chồng chị Vũ Văn T (sinh năm 1975)- Nguyễn Thị Thanh T(sinh năm 1979).

Đều trú tại: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N. Anh T ủy quyền cho chị T. Chị T vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; trú tại: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N- Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn N, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã G là bạn bè với nhau. Chiều ngày 03/9/2017, V đến nhà N ăn cơm tối. Sau khi ăn tối xong, trong lúc ngồi uống nước, V nói "*em đi sang Hoàng Long lấy xe, lúc nào em điện thì mở cửa cho em*", ý V nói đi trộm cắp xe máy và lấy được thì đem về nhà N cất giấu, N đồng ý. Khoảng 00h ngày 04//9/2017, V đi bộ đến nhà anh Vũ Văn T, sinh năm 1975, trú

tại thôn H, xã G, huyện G, thấy cửa cổng không khóa, V đi bộ vào sân thì phát hiện có 01 xe mô tô biển kiểm soát 34K2- 7635, nhãn hiệu Lisohaka không khóa cổ, khóa càng đang dựng ở sân, trên xe được phủ bạt. V đi vào sân nhà anh T tìm tài sản để trộm cắp nhưng không tìm được gì nên V đã lấy 01 chiếc kéo (loại kéo cắt giấy, cán nhựa mầu xanh) của nhà anh T mang theo trong người. Sau đó V kéo tấm bạt che phủ xe mô tô rồi dắt xe mô tô ra ngoài đường, V dùng mũi kéo đưa vào ổ khóa điện vặn mạnh nhưng mũi kéo bị gẫy nên V vứt chiếc kéo đi rồi dắt xe mô tô trộm cắp được đến nhà N cất giấu. Khi đến nơi V điện thoại cho N ra mở cổng để V dắt xe mô tô trộm cắp được để ở phía sau nhà. N lấy chiếc cờ lê tháo biển số 34K2-7635 của xe mô tô cất giấu ở chuồng lợn gia đình mình. Chiều ngày 04/9/2017, V dắt xe mô tô đến quán sửa xe của anh Phạm Văn V, sinh năm 1985, trú tại thôn H, xã G để thay ổ khóa điện của xe mô tô và sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện đi lại. Trưa ngày 05/9/2017, khi V đang điều khiển xe mô tô trên gần khu vực chợ M, trị trấn M, huyện G thì cháu Vũ Văn H, sinh năm 2003 (là con trai anh T) phát hiện nên đã cùng với anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1990 (là con rể anh T), trú tại phố M, thị trấn M đuổi theo. Thấy bị phát hiện nên V đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy, khi chạy đến khu vực ngã 3 đường vành đai xã G thì bỏ xe lại cùng với 01 túi nilon mầu vàng bên trong có 01 áo sơ mi mầu tím, cộc tay; 01 áo phông cộc tay, nhãn mác Kelso; 01 quần xooc ca ki mầu vàng ; 01 quần bò dài mầu xanh để chạy trốn. Khi phát hiện ra sự việc trên, anh Vũ Văn T đã có đơn trình báo cơ quan Công an giải quyết.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện G đã thu giữ chiếc xe mô tô không đeo biển số, nhãn hiệu Lisohaka và 01 túi nilon mầu vàng bên trong có 01 áo sơ mi mầu tím, cộc tay; 01 áo phông cộc tay, nhãn mác Kelso; 01 quần xooc ca ki mầu vàng ; 01 quần bò dài mầu xanh do anh Nguyễn Đức C giao nộp; thu giữ 01 chiếc biển số 34K2- 7635 và 01 chiếc cờ lê bằng kim loại mầu đen (một đầu ký hiệu 08, một đầu ký hiệu 10) do Nguyễn Văn N tự nguyện giao nộp; thu giữ 01 ổ khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng do anh Phạm Văn V tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, trưng cầu định giá tài sản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự(BLTTHS).

Qúa trình điều tra vụ án, Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 74/CT- VKS, ngày 02/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Văn V ra tr- ớc Toà án nhân dân huyện G để xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "***Trộm cắp tài sản***". Đề nghị áp dụng Điều 138 khoản 1; Điều 46 khoản 1 điểm g, p Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn V từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/10/2017. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon mầu vàng, bên trong có 01 áo sơ mi mầu tím cộc tay; 01 áo phông cộc tay mầu xanh nhãn hiệu Kelso; 01 quàn sóc kaki mầu vàng; 01 quần bò dài mầu xanh. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cờ lê bằng kim loại mầu đen (một đầu ký hiệu 08, một đầu ký hiệu 10); 01 ổ khóa điện xe mô

tô đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, ng- ời bị hại và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác đã thể hiện rõ: Chiều ngày 03/9/2017, bị cáo đến nhà Nguyễn Văn N ở thôn H xã G ăn cơm tối. Ăn xong bị cáo đã nói với N đi sang thôn Hoàng Long, xã G tìm cách trộm cắp xe máy và bảo N khi nào bị cáo điện thì ra mở cổng để cất xe trộm cắp được và N đã đồng ý. Đến khoảng 00 giờ, ngày 04/9/2017, bị cáo đi bộ đến rồi qua cổng (không khóa) vào sân nhà vợ chồng anh chị Vũ Văn T – Nguyễn Thị Thanh T ở thôn H, xã G, quan sát thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34K2- 7635, nhãn hiệu Lisohaka không khóa cổ, khóa càng đang dựng ở sân, trên xe có phủ bạt. Bị cáo kéo phủ bạt rồi lấy chiếc kéo nhà anh T để mở khóa điện xe mô tô nhưng không được do chiêc mũi khóa bị gẫy, bị cáo đã dắt xe mô tô của gia đình anh T rồi tẩu thoát về nhà N cất giấu theo như đã hẹn trước. Bị cáo đã tháo BKS 34K2- 7635 rồi sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Đến ngày 05/9/2017, khi V đang điều khiển xe mô tô trên gần khu vực chợ M, trị trấn M, huyện G bị Vũ Văn H là con trai anh T phát hiện nên đã cùng với anh Nguyễn Đức C là con rể anh T đuổi theo. Thấy bị phát hiện nên V đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy, khi chạy đến khu vực ngã 3 đường vành đai xã G thì bỏ xe lại. Sau đó gia đình anh T đã trình báo cơ quan Công an, giao nộp xe và các vật chứng kèm theo. Rõ ràng bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, biển kiểm soát 34K2- 7635 có giá trị theo kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG- HĐ, ngày 12/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Gia Viễn là 1.000.000 đồng.

Về nhân thân, tại Bản án hình sự số 116/2016/HSST, ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Vg sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị T (sinh năm 1962), 15 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Quá trình điều tra vụ án này, cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định so sánh 01 danh bản, chỉ bản số 412 in vân tay 10 ngón ghi tên Nguyễn Văn V sinh ngày 29/4/1996, trú tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N lập tại Công an huyện G(Ký hiệu A) với 01 danh bản, chỉ bản số 102 in vân tay 10 ngón ghi tên Nguyễn Văn V sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N lập ngày 29/4/2016 tại Công an thành phố N. Tại kết luận giám định số 27/KLGĐ- ĐV ngày 06/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Các dấu vân tay in trên danh chỉ, chỉ bản số 412 ghi tên Nguyễn Văn V sinh ngày 29/4/1996, ký hiệu A so với các dấu vân tay in tại các ô tương ứng trên danh bản, chỉ bản số 102 ghi tên Nguyễn Văn V sinh năm 1995 là vân tay của cùng một người. Như vậy bị cáo Nguyễn Văn V sinh ngày 29/4/1996 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản sáng ngày 04/9/2017 ở thôn H, xã G cũng chính là người đã từng bị kết án tại Bản án hình sự số 116/2016/HSST, ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N. Do đó lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của

người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng những ng- ời làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, trị giá tài sản bị chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân đ- ợc pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh h- ởng xấu tới tình hình trị an của địa ph- ơng. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến nay chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, tuy rằng đây là điều kiện cần để định tội lần này nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu. Vì vậy cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh đối với bị cáo tr- ớc pháp luật bằng hình thức cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo bị cáo thành ng- ời có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, đồng thời tài sản mà bị cáo trộm cắp gây thiệt hại có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ợc quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

Về hình phạt bổ xung: Xét bị cáo là lao động tự do chưa có thu nhập ổn định, còn sống phụ thuộc gia đình. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ xung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho anh Vũ Văn T, chị T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka và chiếc biển kiểm soát 34K2- 7635. Anh T, chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

Đối với Nguyễn Văn N là người biết bị cáo đi trộm cắp tài sản nhưng đã không can ngăn mà còn có hành vi giúp sức thông qua việc hẹn trước cho bị cáo dấu xe mô tô sau khi trộm cắp được. Hành vi của N có dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên giá trị tài sản mà bị cáo V chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, trước khi thực hiện hành vi nêu trên Nguyễn Văn N chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của Nguyễn Văn N không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 chiếc điện thoại di động (điện thoại nhãn hiệu Master của Nguyễn Văn V và điện thoại nhãn hiệu Howat của Nguyễn Văn N) là điện thoại V và N đã sử dụng liên lạc với nhau vào ngày 04/9/2017. Qúa trình điều tra bị cáo khai đã làm rơi mất điện thoại trong quá trình bị anh C và cháu H truy đuổi, bị cáo không xác định được điện thoại rơi ở đâu, còn điện thoại của N đã bị hỏng nên N vứt đi, không nhớ vứt ở đâu. Vì vậy Cơ quan Điều tra Công an huyện G không thu hồi được hai chiếc điện thoại trên nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 chiếc kéo (loại kéo cắt giấy, cán nhựa mầu xanh) mà bị cáo lấy của gia đình anh Thuân để phá ổ khóa điện xe mô tô nhưng không phá được ổ khóa nên bị cáo đã vứt chiếc kéo xuống ruộng lúa gần khu vực đình làng thôn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 túi nilon mầu vàng bên trong có 01 áo sơ mi mầu tím, cộc tay; 01 áo phông cộc tay, nhãn mác Kelso; 01 quần xooc ca ki mầu vàng ; 01 quần bò dài mầu xanh. Đây là tài sản của bị cáo bỏ lại trong khi chạy trốn, tại phiên tòa bị cáo xác định số tài sản này đã cũ không còn giá trị nên không yêu cầu nhận lại vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc cờ lê bằng kim loại mầu đen (một đầu ký hiệu 08, một đầu ký hiệu 10) và 01 ổ khóa điện xe môt tô đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội *" Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 06(Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/10/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon mầu vàng, bên trong có 01 áo sơ mi mầu tím cộc tay; 01 áo phông cộc tay mầu xanh nhãn hiệu Kelso; 01 quàn sóc kaki mầu vàng; 01 quần bò dài mầu xanh.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cờ lê bằng kim loại mầu đen (một đầu ký hiệu 08, một đầu ký hiệu 10); 01 ổ khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án. (*Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (***Hai trăm nghìn đồng***) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc Bản án đ- ợc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N
- CQĐT Công an huyện G
- Thi hành án dân sự H. G
- Viện kiểm sát H. G
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- L- u HS, VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc